TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2024/HS-ST
Ngày 16-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Văn Thị Ngọc Hà**

Ông **Nguyễn Thanh Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Văn Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 280/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1994, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở khi bị bắt: 6 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Nhân viên Giao hàng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; bố: Nguyễn Ngọc M và mẹ: Đào Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 03/7/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (Có mặt)

- *Bị hại:* Công ty TNHH MTV C – Chi nhánh B. Trụ sở: 173/388 đường Đ, Tổ E, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị L – Nhân viên Công ty TNHH MTV C - Chi nhánh B là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 128/GUQ-CNCTY ngày 05/11/2023. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1965, địa chỉ: 6 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S là nhân viên giao hàng của Công ty TNHH MTV C - Chi nhánh B có trụ sở tại địa chỉ: số A đường Đ, Tổ E, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Công ty J) theo dạng Hợp đồng lao động. Bị cáo S được Công ty phân công làm việc tại địa điểm kinh doanh Ba mươi tháng tư, địa chỉ: A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được nhiệm vụ là hàng ngày nhận các đơn hàng từ kho để đi giao cho khách hàng và thay mặt Công ty thu tiền của khách hàng thanh toán, đến cuối ngày làm việc bị cáo S đem về nộp lại cho người quản lý tại điểm kinh doanh và cập nhật thông tin trạng thái đơn hàng trên hệ thống phần mềm (cụ thể: Đối với những đơn hàng đã giao thành công và thu tiền của khách hàng phải cập nhật trên hệ thống là *"kiện hàng đã được ký"*; đối với những đơn hàng khách hàng hẹn giao vào ngày khác phải cập nhật trên hệ thống là "*khách hẹn lại ngày nhận"*). Quá trình làm việc, bị cáo S phát hiện Công ty quản lý lỏng lẻo các đơn hàng, không kiểm tra thực tế hàng hóa đã giao và thu tiền của khách hàng với thông tin cập nhật trên hệ thống phần mềm nên bị cáo S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền thu được của khách hàng với thủ đoạn sau khi giao hàng và thu được tiền bị cáo S sẽ cập nhật thông tin trạng thái đơn hàng không đúng sự thật là *"khách hẹn lại ngày nhận"* trên hệ thống phần mềm quản lý giao nhận hàng của Công ty để chiếm đoạt tiền. Từ ngày 16/6/2023 đến ngày 25/6/2023, bị cáo S đã chiếm đoạt tiền thu hộ đối với 61 đơn hàng của Công ty giao, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 16/6/2023, bị cáo S giao thành công 04 đơn hàng có mã vận đơn là: 802108312029, 802108313461, 802108314189, 802108312701, chiếm đoạt số tiền 14.160.000đồng;

- *Lần thứ hai:* Vào ngày 19/6/2023, bị cáo S giao thành công 01 đơn hàng có mã vận đơn 842203267352, chiếm đoạt số tiền 2.954.000đồng;

- *Lần thứ ba:* Vào ngày 21/6/2023, bị cáo S giao thành công 06 đơn hàng có mã vận đơn là: 802108995996, 842203424522, 802109137599, 855659912329, 842203332313, 802109562541, chiếm đoạt số tiền 9.379.800đồng;

- *Lần thứ tư:* Vào ngày 22/6/2023, bị cáo S giao thành công 09 đơn hàng có mã vận đơn là: 855650303029, 842203536804, 802109243206, 842203670930, 842203704030, 855659507449, 855659279423, 842500418663, 802109555490, chiếm đoạt số tiền 16.377.000đồng;

- *Lần thứ năm:* Vào ngày 23/6/2023, bị cáo S giao thành công 05 đơn hàng có mã vận đơn là: 802109620598, 842500470325, 842500612913, 855659303452, 802109568952, chiếm đoạt số tiền 2.309.600đồng;

- *Lần thứ sáu:* Vào ngày 24/6/2023, bị cáo S giao thành công 11 đơn hàng có mã vận đơn là: 842203750707, 842203639198, 842203692599, 842203756727, 842203812947, 855652178044, 855657806342, 855654997743, 855652265441, 855650071047, 855650168253, chiếm đoạt số tiền 6.845.700đồng;

- *Lần thứ bảy:* Vào ngày 25/6/2023, bị cáo S giao thành công 25 đơn hàng có mã vận đơn là: 802109924068, 855654707959, 842203860810, 802110276312, 842203832054, 802109988016, 802109921797, 855650740065, 855656950058, 855654667650, 855654183357, 855653908855, 842500162125, 802109993687, 802110019117, 855659336059, 855650760374, 855659446667, 802110268580, 802110040582, 855654632669, 855654472163, 802110146610, 855651189568, 855654667162, chiếm đoạt số tiền 12.844.600đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Ngọc S trong 07 lần được giao nhiệm vụ đi giao 61 đơn hàng cho khách hàng và thu tiền đã chiếm đoạt số tiền 64.870.700đồng của Công ty sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Nguyễn Ngọc S khai nhận hành vi phạm tội, công nhận các đơn hàng đã chiếm đoạt. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai người làm chứng, người có liên quan, đại diện bị hại; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đến ngày 03/7/2024, bị cáo Nguyễn Ngọc S đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc S đã tác động gia đình bồi thường số tiền 64.870.700đồng đã chiếm đoạt của cho Công ty TNHH MTV C. Ông Nguyễn Ngọc M (bố bị cáo S) người đã bỏ tiền ra bồi thường thiệt hại cho Công ty không yêu cầu gì về số tiền này.

Bản cáo trạng số 268/CT-VKSVT ngày 16-8-2024, Viện Kiểm sát nhân dân Tp . Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội "Tham ô tài sản" theo quy định điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S đã khai nhận toàn bộ diễn biến thực hiện hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Công ty TNHH MTV C - Chi nhánh B xác nhận Công ty đã nhận số tiền 64.870.700đồng bồi thường thiệt hại từ gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc S. Công ty không yêu cầu bị cáo S bồi thường gì thêm và xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội "Tham ô tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt từ 05 năm đến 06 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S là nhân viên Hợp đồng của Công ty TNHH MTV C - Chi nhánh B, được phân công làm việc tại địa điểm kinh doanh Ba mươi tháng tư, địa chỉ: A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhiệm vụ của bị cáo S được giao là hàng ngày nhận các đơn hàng từ kho để đi giao cho khách hàng và thay mặt Công ty thu tiền của khách hàng thanh toán, đến cuối ngày làm việc S đem về nộp lại cho người quản lý tại điểm kinh doanh và cập nhật thông tin trạng thái đơn hàng trên hệ thống phần mềm. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2023 đến ngày 25/6/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc S đã lợi dụng nhiệm vụ được giao 07 lần chiếm đoạt tiền của Công ty, với tổng số tiền 64.870.700đồng để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Hành vi bị cáo Nguyễn Ngọc S đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" với tình tiết định khung "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến hoạt động đúng đắn của tổ chức trong khi thực hiện nhiệm vụ; bị cáo có nhận thức xã hội, dù biết việc chiếm đoạt tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xái cá nhân; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyên tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, đại diện bị hại bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tự ra đầu thù là các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 05 (năm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kiên